

Số: 4407/BHXH-BT

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014

V/v hướng dẫn giải quyết vướng mắc
về thu BHXH, BHYT

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Quá trình thực hiện thu bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) theo quy định của Luật BHXH, Luật BHYT còn một số vướng mắc. Căn cứ ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) tại Công văn số 1880/LĐTBXH-BHXH ngày 05/6/2014 về việc giải quyết vướng mắc trong thực hiện BHXH bắt buộc và Công văn số 3924/LĐTBXH ngày 21/10/2014 về việc tham gia ý kiến văn bản hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc trong thực hiện BHXH; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2844/BNV-CCVC ngày 29/7/2014 về việc tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT đối với người lao động trong đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, Công văn số 2845/BNV-CCVC ngày 29/7/2014 về việc vướng mắc trong thực hiện BHXH đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Công văn số 4404/BNV-CCVC ngày 20/10/2014 về việc tham gia ý kiến dự thảo văn bản hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc trong thực hiện BHXH; BHXH Việt Nam hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố một số nội dung như sau:

1. Thực hiện BHXH đối với người làm việc theo hợp đồng lao động (HĐLĐ) trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước

Căn cứ Công văn số 2447/LĐTBXH-BHXH ngày 26/7/2011 của Bộ LĐTBXH về việc hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong thực hiện Luật BHXH, người lao động nếu ký HĐLĐ có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và HĐLĐ không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc theo quy định. Mức tiền lương, tiền công làm căn cứ đóng BHXH phụ thuộc vào chế độ tiền lương mà cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước thực hiện đối với người lao động được thể hiện trong HĐLĐ.

Theo quy định tại Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ và Luật BHXH thì các đối tượng nêu trên thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc kể từ tháng 01/2003.

2. Đóng BHXH bắt buộc đối với công chức, viên chức trong thời gian tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật, hưởng 50% của mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu (gọi tắt là mức lương theo ngạch bậc)

Căn cứ Công văn số 2845/BNV-CCVC nêu trên, công chức, viên chức nêu tại Điểm này thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, đóng đủ mức đóng BHXH theo quy định của pháp luật (mức đóng tính theo mức lương theo ngạch bậc và tỷ lệ % đóng BHXH theo quy định). Trường hợp công chức, viên chức bị Tòa án kết án phạt tù giam, hoặc buộc thôi việc, không được truy lĩnh 50% còn lại của mức lương theo ngạch bậc, thì cơ quan BHXH hoàn trả số tiền đã thu BHXH cho đơn vị sử dụng lao động đối với thời gian công chức, viên chức bị tạm giữ, tạm giam, hoặc tạm đình chỉ công tác và không được tính là thời gian tham gia BHXH.

3. Về truy thu BHXH, BHYT khoản phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

Thực hiện truy thu theo hướng dẫn tại Công văn số 2228/BHXH-BT ngày 25/7/2014 của BHXH Việt Nam về việc thu BHXH, BHYT đối với phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, không tính lãi truy thu đối với thời gian từ thời điểm hưởng phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đến thời điểm ban hành Công văn số 2228/BHXH-BT.

4. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đối với người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

a) Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 94 Luật BHXH; Khoản 2, Điều 14 Luật BHYT, nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Trường hợp đơn vị vận dụng thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định để trả lương cho người lao động (ghi hệ số) thì đề nghị đơn vị chuyển đổi, ghi mức lương cụ thể bằng tiền đồng Việt Nam để làm căn cứ đóng, giải quyết chế độ BHXH.

b) Riêng giáo viên mầm non hưởng lương theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT theo thang lương, bảng lương giáo viên mầm non quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

5. Về thực hiện BHXH đối với người lao động do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã ký HĐLĐ

Căn cứ Điểm c, Mục 3 Công văn số 2845/BNV-CCVC của Bộ Nội vụ (đính kèm) thì ở cấp xã không có đối tượng là người làm việc theo chế độ HĐLĐ; các trường hợp đã ký HĐLĐ với UBND cấp xã trước đây thực hiện chế độ BHXH như những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

a) Cơ quan BHXH tỉnh, huyện báo cáo UBND cùng cấp ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2845/BNV-CCVC để chỉ đạo UBND cấp xã chậm nhất đến ngày 31/12/2014 phải chấm dứt HĐLĐ đối với những người lao động đang làm việc theo HĐLĐ để thực hiện thủ tục dừng đóng BHXH bắt buộc theo quy định; các đối tượng này được tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện nếu có nhu cầu theo đúng quy định của Luật BHXH. Thời gian đã đóng BHXH bắt buộc của các đối

tượng nêu trên được bảo lưu làm căn cứ tính hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

b. Kể từ ngày 01/01/2015, cơ quan BHXH không thu BHXH bắt buộc đối với mọi trường hợp ký HĐLĐ với UBND cấp xã.

6. Giải quyết tồn đọng trong thực hiện BHXH đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và Phó trưởng Công an xã theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ, sau đó không thuộc đối tượng tham gia BHXH theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ, nhưng vẫn tiếp tục đóng BHXH bắt buộc từ ngày 01/11/2003 trở đi.

BHXH các tỉnh, thành phố rà soát, báo cáo theo mẫu đính kèm theo Công văn này, gửi về BHXH Việt Nam trước ngày 30/11/2014 để báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết (bản điện tử gửi về địa chỉ email: banthu@vss.gov.vn)

Yêu cầu BHXH tỉnh, thành phố thực hiện theo các nội dung trên. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh BHXH Việt Nam để nghiên cứu, giải quyết. /sl

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: LĐTBXH, TC, NV;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc BHXH VN;
- Lưu: VT, BT(05b). ↙

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Sinh

BHXH VIỆT NAM
BHXH TỈNH, TP

(Ban hành kèm theo Công văn số 4407
/BHXH-BT ngày 14 tháng 11 năm 2014
của BHXH Việt Nam)

BÁO CÁO

Tổng hợp số lượng Phó Chỉ huy Quân sự xã
và Phó trưởng Công an xã tham gia BHXH bắt buộc

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Số TT	Thời gian	Số lượng (người)		Ghi chú
		Phó Chỉ huy trưởng BCH quân sự cấp xã	Phó trưởng Công an xã	
A	B	1	2	C
1	Trước tháng 11/2003 (trước thời điểm Nghị định số 121/2003/NĐ-CP có hiệu lực)			
2	Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2004 (từ khi NĐ 121/2003/NĐ-CP có hiệu lực đến ngày NĐ số 184/2004/NĐ-CP có hiệu lực)			
3	Từ tháng 11/2004 đến tháng 4/2005 (đến khi có thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2304/VPCP-NC ngày 29/4/2005 của VPCP)			
4	Từ tháng 5/2005 đến tháng 12/2009 (đến khi NĐ số 92/2009/NĐ-CP có hiệu lực)			

....., ngày tháng năm 2014

GIÁM ĐỐC

Số: *845* /BNV-CCVC

Hà Nội, ngày *29* tháng 7 năm 2014

V/v vướng mắc trong thực hiện
BHXH đối với cán bộ, công chức,
viên chức và người lao động

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Trả lời công văn số 2380/BHXH-BT ngày 01/7/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc vướng mắc trong thực hiện bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Sau khi nghiên cứu, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về nội dung: Đối với các trường hợp hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không đúng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thì có thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc không? Nếu trường hợp này được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại Khoản 1 hay Khoản 2 Điều 94 Luật Bảo hiểm xã hội?

Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ quy định việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Đây không phải là văn bản quy phạm quy định và điều chỉnh về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc và Thông tư số 19/TT-BLĐTBXH ngày 23/9/2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Do vậy, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ quy định nêu trên để xác định đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Trường hợp chưa rõ về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, đề nghị có văn bản trao đổi với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, là cơ quan chủ trì xây dựng các văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội để được hướng dẫn, giải đáp.

2. Về nội dung: Đối với công chức, viên chức trong thời gian tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không, đóng theo tiền lương nào?

Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

Công chức, viên chức trong thời gian tạm giữ, tạm giam để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử hoặc tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật vẫn thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và thuộc nhóm đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Mức đóng được xác định theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Về nội dung: Thực hiện bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức cấp xã và các trường hợp hợp đồng lao động với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Về tồn đọng trong thực hiện bảo hiểm xã hội đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và Phó trưởng Công an xã

- Để giải quyết công bằng, triệt để và không còn có ý kiến khác nhau cũng như bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp số lượng chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và Phó trưởng Công an xã đã đóng Bảo hiểm xã hội.

- Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội của các chức danh nêu trên được xác định như sau:

+ Trước khi Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn có hiệu lực thi hành (sau đây viết tắt là Nghị định số 121/2003/NĐ-CP);

+ Từ khi Nghị định số 121/2003/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh dân quân tự vệ có hiệu lực thi hành (sau đây viết tắt là Nghị định số 184/2004/NĐ-CP);

+ Từ khi Nghị định số 184/2004/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến khi có thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 2304/VPCP-NC ngày 29/4/2005 về chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã;

+ Từ ngày 29/4/2005 thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 2304/VPCP-NC đến khi Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có hiệu lực thi hành (sau đây viết tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP).

Sau khi có tổng hợp số lượng chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và Phó trưởng Công an xã đã đóng bảo hiểm xã hội tính theo các thời điểm nêu trên, Bộ Nội vụ phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Về xác định tiền lương để đóng Bảo hiểm xã hội đối với chức danh Thường trực Đảng ủy xã (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng) có trình độ đào tạo sơ cấp hoặc chưa đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP quy định: “Áp dụng việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này đối với Bí thư, Phó Bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập đảng ủy cấp xã); Thường trực đảng ủy (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng)”. Do vậy, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 92/2009 để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với chức danh Thường trực Đảng ủy xã (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng) có trình độ đào tạo sơ cấp hoặc chưa đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Về thực hiện bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp có hợp đồng lao động với Ủy ban nhân dân cấp xã

- Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 thì ở cấp xã không có đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

- Đối với các trường hợp đã ký hợp đồng lao động với Ủy ban nhân dân trước đây, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng này như những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam được biết và thực hiện./.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CÔNG CHỨC-VIÊN CHỨC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trần Anh Tuấn (để báo cáo);
- TT Nguyễn Duy Thăng (để báo cáo);
- Vụ Tiền lương;
- Vụ Chính quyền địa phương;
- Lưu: VT, CCVC.



Nguyễn Tiên Trung